TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2024/HS-ST

Ngày: 16 -8- 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu– Cán bộ hưu trí

Ông Nguyễn Văn Trung – Nguyên là Cán bộ Quận Đoàn Cẩm Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thùy Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2024/TLHS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Đăng Minh T, sinh ngày 12/4/2007 tại Quảng Bình.

(Đến ngày phạm tội 24/5/2024 bị cáo T được 17 tuổi 01 tháng 12 ngày)

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam.

Nghề nghiệp: Học sinh

Trình độ học vấn: 11/12

Con ông Nguyễn Đăng S (Sinh năm: 1970; còn sống) và bà Đinh Thị N (Sinh năm: 1977; còn sống). Gia đình có 03 người con, bị cáo là con út.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2024.- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đăng Minh T** (người giám hộ- cha mẹ):* Ông Nguyễn Đăng S, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị N, sinh năm 1977; (đều có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

**** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đăng Minh T:*** Luật sư Nguyễn Lê Minh V – Trung tâm Trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

2/Dương K, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2007 tại Quảng Bình.

(Đến ngày phạm tội 24/5/2024 bị cáo S1 được 17 tuổi 03 tháng 02 ngày)

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam.

Nghề nghiệp: Học sinh

Trình độ học vấn: 11/12

Con ông Dương Công L (Sinh năm: 1975; còn sống); và bà Phạm Thị H (Sinh năm: 1978; còn sống). Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ 02.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2024.- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Khánh S2** (người giám hộ- cha mẹ):* Ông Dương Công L, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1978;(đều có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

**** Người bào chữa cho bị cáo Dương Khánh S2:*** Luật sư Nguyễn Huy V1 – Trung tâm Trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

**** Người bị hại:*** Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1971; (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Lê Văn C**, sinh năm 2005; (vắng mặt)

Địa chỉ: 6 Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

2. Anh **Lê Đức T1**, sinh năm 2003; (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm P, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

3.Anh **Nguyễn Lê Đình D**, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường Ô, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

4.Anh **Hoàng Giáp T2**, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Tổ H, phường K, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17h30 ngày 24/5/2024, Nguyễn Đăng Minh T điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo, màu vàng đen, BKS: 29T1- 062.15 chở Dương Khánh S2 từ phòng trọ tại số K Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng đi dạo trên các tuyến đường tìm người dân có đeo dây chuyền vàng để cướp giật bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến khu vực giao nhau giữa đường T và đường L, thuộc phường H, quận C thì cả hai phát hiện chị Nguyễn Thị M (Sinh năm: 1971; trú tại: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam) đang đi bộ trên đường gom dân sinh, trên cổ có đeo sợi dây chuyền kim loại màu vàng nên T chạy tới trước một đoạn rồi đổi cho S2 lên cầm lái. S2 quay xe lại đi ngược chiều với chị M và điều khiển xe áp sát để T ngồi sau dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền trên cổ chị M rồi tăng ga bỏ chạy.

Sau đó, cả hai mang sợi dây chuyền cướp giật được đến tiệm V2, địa chỉ số H N, quận L, thành phố Đà Nẵng bán cho anh Nguyễn Lê Đình D (Sinh năm: 1982; trú tại: B Ông Í, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng) lấy số tiền 12.750.000 đồng rồi cùng nhau tiêu xài. [BL: 16-22; 46-50; 74-83; 112-119]

**** Tang vật tạm giữ:*** [BL: 23; 30; 84]

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, màu vàng đen, BKS: 29T1-062.15;
- 01 xe mô tô hiệu Detech, màu đen, BKS: 73AG – 012.23;
- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 13, màu xanh;
- 01 đĩa cứng lưu giữ dữ liệu điện tử trích từ camera an ninh trước số nhà G đường T vào ngày 24/5/2024;
- Số tiền mặt: 1.200.000 đồng.

Trong lúc giật tài sản của chị M, T và S2 đã làm rơi mất 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng, Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Sợi dây chuyền vàng sau khi thu mua, anh Nguyễn Lê Đình D đã đem nấu chảy phục vụ kinh doanh nên không thu hồi được.

*Theo Kết luận định giá tài sản số: 21/KL-HĐĐGTS ngày 05/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận C xác định: Dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, chất liệu vàng tây 610, có mặt dây chuyền hình tròn, tổng cân lượng 05 chỉ có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là ***21.280.000 đồng***.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và Dương Khánh S2 đã khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKSCL ngày 01/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và Dương Khánh S2 về tội *"Cướp giật tài sản"* theo Điểm a, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP . thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và Dương Khánh S2 như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội *" Cướp giật tài sản"*.

Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP . đề nghị rút truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và Dương Khánh S2 về tình tiết định khung quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là "Có tổ chức" và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo T và bị cáo S2 theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là "Dùng thủ đoạn nguy hiểm".

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Đ d Khoản 2 Điều 171; Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đăng Minh T** mức án từ **02 năm** đến **02 năm 06 tháng** tù.

Áp dụng Đ d Khoản 2 Điều 171; Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Dương Khánh S2** mức án từ **01 năm 06 tháng** đến **02 năm** tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị M đề nghị được nhận 1.200.000 đồng là tiền bán tài sản còn lại của các bị cáo, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại số tiền trên cho chị M là có cơ sở. Chị Mến yêu c gia đình các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, đến nay gia đình các bị cáo đã bồi thường đầy đủ nên về trách nhiệm dân sự các bị cáo đã thực hiện xong.

Quá trình các bị cáo giật sợi dây chuyền làm chị M bị xây xát vùng cổ nhưng không gây thương tích hay tổn hại sức khỏe gì, chị Mến yêu c không giám định thương tích nên không đề cập giải quyết

Về trách nhiệm của những người liên quan:

Đối với mô tô hiệu Detech, màu đen, BKS: 73AG – 012.23 mà T và S2 sử dụng để đi bán tài sản cướp giật được, qua điều tra xác định là tài sản của anh Lê Văn C (sinh năm: 2005; trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; ở cùng phòng trọ với T và S2), anh C về quê để xe lại phòng trọ và không biết việc T và S2 tự ý sử dụng xe này để đi tiêu thụ tài sản phạm tội. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Lê Văn C là có cơ sở.

Đối với anh Nguyễn Lê Đình D khi thu mua sợi dây chuyền vàng không biết tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn Lê Đình D là có cơ sở.

Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 13, màu xanh là tài sản của Nguyễn Đăng Minh T không liên quan đến hành vi phạm tội của T tuy nhiên đề nghị tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với mô tô hiệu Detech, màu đen, BKS: 73AG – 012.23 mà T và S2 sử dụng để đi bán tài sản cướp giật được, qua điều tra xác định là tài sản của anh Lê Văn C (sinh năm: 2005; trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; ở cùng phòng trọ với T và S2), xe này anh C mua lại của anh Lê Đức T1; anh C về quê để xe lại phòng trọ và không biết việc T và S2 tự ý sử dụng xe này. Cơ quan điều tra trả lại xe cho anh Lê Văn C là có cơ sở.

Đối với mô tô hiệu Yamaha Nouvo, màu vàng đen, BKS: 29T1-062.15 các bị cáo sử dụng để đi cướp giật tài sản, đến nay vẫn chưa xác minh được nguồn gốc xe. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an quận C tách ra tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý khi có đủ cơ sở là phù hợp.

Đối với 01 đĩa cứng lưu giữ dữ liệu điện tử là chứng cứ của vụ án đề nghị tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Lê Minh V là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đăng Minh T thống nhất về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố, thống nhất việc đại diện Viện kiểm sát rút truy tố đối với tình tiết định khung "có tổ chức" quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo T. Xét thấy bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo T; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; có công cách mạng; bị cáo phạm tội vào ngày 24/5/2024 khi mới 17 tuổi 01 tháng 12 ngày nên khả năng nhận thức khi thực hiện hành vi còn hạn chế do vậy đề nghị HĐXX xem xét áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm b,s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90,91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự quyết định một mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo T.

Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Huy V1 là người bào chữa cho bị cáo Dương Khánh S2 thống nhất về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố, thống nhất việc đại diện Viện kiểm sát rút truy tố đối với tình tiết định khung "có tổ chức" quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo S2. Xét thấy bị cáo S2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho cho bị cáo S2; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; có công cách mạng; bị cáo phạm tội vào ngày 24/5/2024 khi mới 17 tuổi 03 tháng 02 ngày nên khả năng nhận thức khi thực hiện hành vi còn hạn chế do vậy đề nghị HĐXX xem xét áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm b,s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90,91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự quyết định một mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo S2.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát và các luật sư thống nhất quan điểm nên không tranh luận đối đáp và đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định.

Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa người bị hại chị Nguyễn Thị M; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C,anh Lê Đức T1, anh Nguyễn Lê Đình D, anh Hoàng Giáp T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của chị M, anh C, anh T1, anh D. Do đó, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người bị hại; người đại diện hợp pháp của các bị cáo; người bào chữa; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và bị cáo Dương Khánh S2 khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1.1] Vào khoảng 17h30 ngày 24/5/2024, tại trước số nhà G đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Đăng Minh T và Dương Khánh S2 đã cùng nhau điều khiển xe mô tô Yamaha Nouvo, BKS: 29T1-062.15 tiếp cận, áp sát chị Nguyễn Thị M và dùng tay giật 01 sợi dây chuyền vàng có giá trị **21.280.000 đồng** trên cổ chị M rồi nhanh chóng tẩu thoát

[2.1.2] Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và Dương Khánh S2 đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, phạm vào tội "Cướp giật tài sản" được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự như nội dung Cáo trạng số 63/CT-VKSCL ngày 01/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và Dương Khánh S2 thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và Dương Khánh S2 đã cùng nhau điều khiển xe mô tô Yamaha Nouvo, BKS: 29T1-062.15 tiếp cận, áp sát chị Nguyễn Thị M và dùng tay giật 01 sợi dây chuyền vàng có giá trị 21.280.000 đồng trên cổ chị M rồi nhanh chóng tẩu thoát thuộc trường hợp phạm tội dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự;

[2.2.1] Hành vi của bị cáo T, bị cáo S2 đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ .

[2.2.2] [Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và Dương Khánh S2 thì thấy: Bị cáo T, bị cáo S2 là những thanh niên có sức khỏe lẽ ra các bị cáo phải lo học hành; lao động, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng các bị cáo lười lao động, coi thường pháp luật, chỉ muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn mục đích cá nhân bằng đồng tiền lao động của người khác, bị cáo T đã cùng với bị cáo S2 thực hiện hành vi cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Vào ngày 24/5/2024 bị cáo T đã cùng với S2 điều khiển xe xe mô tô Yamaha Nouvo, BKS: 29T1-062.15 là nguồn nguy hiểm cao độ tiếp cận, áp sát chị Nguyễn Thị M và thực hiện hành vi giật 01 sợi dây chuyền vàng có giá trị 21.280.000 đồng trên cổ chị M rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, TP . đề nghị rút truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và Dương Khánh S2 về tình tiết định khung quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là "Có tổ chức" và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo T và bị cáo S2 theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Xét thấy đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Hành vi của bị cáo T, bị cáo S2 đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, phạm vào Điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về tài sản cho người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật

tự trị an ở địa phương nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt đối với các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Cần xử cách ly bị cáo T, bị cáo S2 ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[2.3] Xét hành vi phạm tội; vai trò; nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy:

[2.3.1] Tại thời điểm phạm tội ngày 24/5/2024 thì bị cáo Nguyễn Đăng Minh T mới được 17 tuổi 01 tháng 12 ngày; bị cáo Dương Khánh S2 mới được 17 tuổi 03 tháng 02 ngày nên nhận thức của bị cáo có phần hạn chế; thuộc trường hợp được áp dụng mức phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi được quy định tại Điều 90; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo T, bị cáo S2 phạm tội thuộc trường hợp "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" ; "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; gia đình các bị cáo có công cách mạng và có hoàn cảnh khó khăn; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điểm Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo T, bị cáo S2 phải chịu.

[2.3.2] Bị cáo S2 và bị cáo T cùng thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản", thuộc trường hợp Đồng phạm được quy định tại Điều 17 BLHS, nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể trước khi tiến hành hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Tuy nhiên, xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này thì thấy: Bị cáo T là người rủ S2 cùng thực hiện việc tìm đối tượng; bị cáo T cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi giật tài sản của chị M và tìm nơi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên bị cáo T đóng vai trò chính; bị cáo S2 chỉ là người đi cùng và làm theo yêu cầu của bị cáo T do vậy khi xem xét trách nhiệm hình sự thì cần có mức hình phạt nhẹ hơn đối với bị cáo S2 là phù hợp.

[3] Xét về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị M đề nghị được nhận 1.200.000 đồng là tiền bán tài sản còn lại của các bị cáo, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại số tiền trên cho chị M là có cơ sở. Chị Mến yêu c gia đình các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, đến nay gia đình các bị cáo đã bồi thường đầy đủ nên về trách nhiệm dân sự các bị cáo đã thực hiện xong, chị M không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không đề cập đến.

Quá trình các bị cáo giật sợi dây chuyền làm chị M bị xây xát vùng cổ nhưng không gây thương tích hay tổn hại sức khỏe gì, chị Mến yêu c không giám định thương tích nên HĐXX không đề cập giải quyết

[4] Về trách nhiệm của những người liên quan:

Đối với mô tô hiệu Detech, màu đen, BKS: 73AG – 012.23 mà T và S2 sử dụng để đi bán tài sản cướp giật được, qua điều tra xác định là tài sản của anh Lê Văn C (sinh năm: 2005; trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; ở cùng phòng trọ với T và S2), anh C về quê để xe lại phòng trọ và không biết việc T và S2 tự ý sử dụng xe này để đi tiêu thụ tài sản phạm tội. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Lê Văn C là có cơ sở.

Đối với anh Nguyễn Lê Đình D khi thu mua sợi dây chuyền vàng không biết tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn Lê Đình D là có cơ sở.

[5] Xét về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 13, màu xanh là tài sản của Nguyễn Đăng Minh T không liên quan đến hành vi phạm tội của T tuy nhiên đề nghị tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với mô tô hiệu Detech, màu đen, BKS: 73AG – 012.23 mà T và S2 sử dụng để đi bán tài sản cướp giật được, qua điều tra xác định là tài sản của anh Lê Văn C (sinh năm: 2005; trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; ở cùng phòng trọ với T và S2), xe này anh C mua lại của anh Lê Đức T1; anh C về quê để xe lại phòng trọ và không biết việc T và S2 tự ý sử dụng xe này. Cơ quan điều tra trả lại xe cho anh Lê Văn C là có cơ sở.

Đối với mô tô hiệu Yamaha Nouvo, màu vàng đen, BKS: 29T1-062.15 các bị cáo sử dụng để đi cướp giật tài sản, đến nay vẫn chưa xác minh được nguồn gốc xe. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an quận C tách ra tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý khi có đủ cơ sở là phù hợp.

Đối với 01 đĩa cứng lưu giữ dữ liệu điện tử là chứng cứ của vụ án vụ án nên tiếp tục quy trữ kèm hồ sơ vụ án là phù hợp.

[6]Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình; xét một số nội dung bào chữa của các luật sư cho bị cáo T, bị cáo S2 về tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo cũng như việc xử lý đối với các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới 18 tuổi như nhận định nêu trên của HĐXX là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Đăng Minh T, bị cáo Dương Khánh S2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và bị cáo Dương Khánh S2 phạm tội "Cướp giật tài sản".

-Căn cứ vào Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm b,s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90,91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đăng Minh T **02(hai) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 27/5/2024.

-Căn cứ vào Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm b,s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90,91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Khánh S2 **01(một) năm 09(chín) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 27/5/2024.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 13, màu xanh là tài sản của Nguyễn Đăng Minh T không liên quan đến hành vi phạm tội của T. Tuyên trả lại cho bị cáo T; tuy nhiên cần tiếp tục quy trữ điện thoại này để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 đĩa CD chứa dữ liệu điện tử là chứng cứ của vụ án tuyên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP . đang tạm giữ theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09/7/2024.

Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đăng Minh T và bị cáo Dương Khánh S2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 16/8/2024.

Riêng người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THA quận Cẩm Lệ;
- Nhà tạm giữ công an quận Cẩm Lệ;
- Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
-Người bào chữa;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Nga